BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TOÁN 6
HƯỚNG DẪN BÀI TẬP VỀ NHÀ
Tài liệu lớp học Zoom 6NTC2 – 18h – 21h15 – Tối thứ 6 – 23/26 Nguyên Hồng

Họ và tên: .....Ngày học: .....

Câu 5. Vẽ lại các hình bên vào giấy kẻ ô vuông rồi vẽ thêm để được một hình có tâm đối xứng.

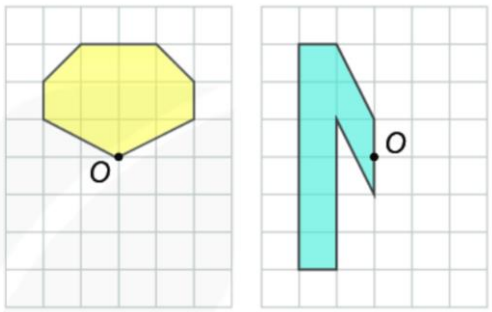

a)

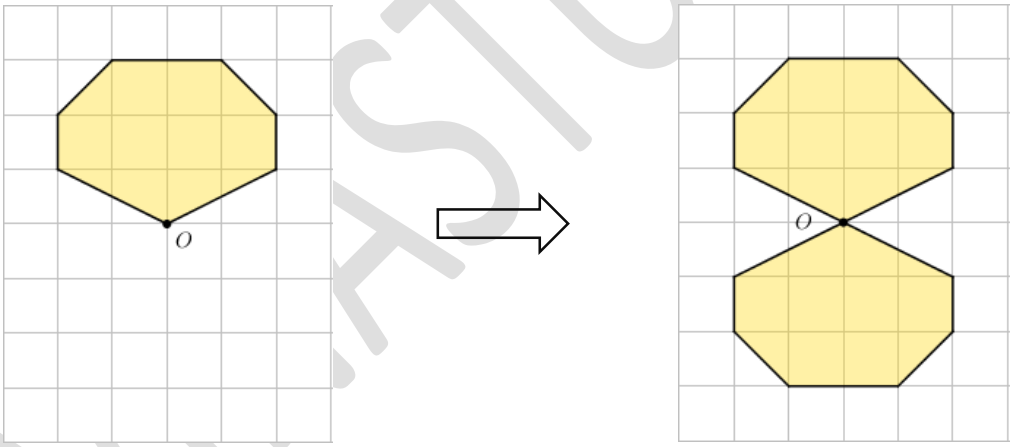

b)

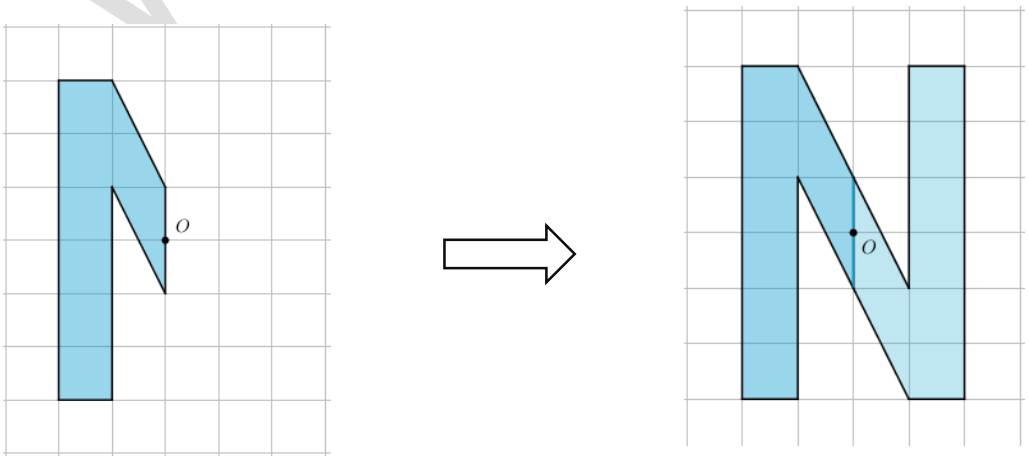

ĐẠI SỐ

Câu 8. So sánh

a) 27^{11} và 81^8 b) 625^5 và 125^7

HD

a) $27^{11}=(3^3)^{11}=3^{33}$ và $81^8=(3^4)^8=3^{32}$

Do $3^{33}>3^{32}$ nên $27^{11}>81^8$

Câu 10. Tìm chữ số tận cùng của các số sau $74^{30};49^{31};87^{32};58^{33};23^{35}$.

HD

a) 74^{30}

Ta có: $74^{30}=[(74)^2]^{15}=(...6)^{15}=...6$ nên 74^{30} có tận cùng là chữ số 6.

b) 49^{31}

Ta có: $49^{31}=(49^2)^{15}.49=(...1)^{15}.49=(...1).49=...9$ nên 49^{31} có chữ số tận cùng là 9.

c) 87^{32}

Ta có: $87^{32}=[(87)^4]^8=(...1)^8=...1$ nên 87^{32} có chữ số tận cùng là 1.

d) 58^{33}

$58^{33}=(58^4)^8.58=(...6)^8.58=(...6).58=...8$ nên 58^{33} có chữ số tận cùng là 8

e) 23^{35}

Ta có: $23^{35}=[(23^4)^8].23^3=(...1)^8.23^3=(...1).23^3=(...1).(...7)=...7$ nên 23^{35} có chữ số tận cùng là 7.

Câu 14. So sánh

a) 4^{300} và 3^{400} b) 16^5 và 64^5 c) 3^{30} và 2^{50}

HD

a) Ta có: $4^{300}=(4^3)^{100}=64^{100}$ và $3^{400}=(3^4)^{100}=81^{100}$

Do $64^{100}<81^{100}$ nên $4^{300}<3^{400}$.

b) Ta có: $16<64$ nên $16^5<64^5$.

c) Ta có: $3^{30}=(3^3)^{10}=27^{10}$ và $2^{50}=(2^5)^{10}=32^{10}$

Do $27^{10}<32^{10}$ nên $3^{30}<2^{50}$.